

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Phương Liên** - Phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam: thực trạng và một số định hướng giải pháp. **Mã số: 170.1FiBa.11**

Developing Green Credit in Vietnam: Current Situation and Recommendations 3

- 2. Võ Văn Dứt** - Vai trò của đổi mới công nghệ và xuất khẩu đối với đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. **Mã số: 170.1BAdm.11**

Roles of Technological Innovation and Export on Product Innovation of Small and Medium Enterprises in Vietnam 13

- 3. Vũ Thị Thúy Hằng và Nguyễn Thị Phương Anh** - Ảnh hưởng của kỳ vọng về hiệu suất và kỳ vọng về nỗ lực đến ý định sử dụng thương mại di động của người tiêu dùng tại Hà Nội. **Mã số: 170.1TrEm.11**

Effects of Performance Expectancy and Effort Expectancy on the Mobile Commerce Intention of Hanoi Consumers 23

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Nguyễn Thị Bích Loan và Nguyễn Ngọc Hưng** - Tác động của phong cách lãnh đạo đến kết quả thực hiện công việc của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. **Mã số: 170.2BAdm.21**

Impact of Leadership on Performance Results Employees' Work At Vietnam Small and Medium Enterprises 40

- 5. Trần Thị Thanh Nga** - Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng số đối với khách hàng cá nhân: trường hợp tại Việt Nam. **Mã số: 170.2FiBa.21**

The Factors Affecting Individual Customers' Intention to Use Digital Banking Services: A Case in Vietnam 56

- 6. Tạ Huy Hùng** - Nghiên cứu nhận thức nhà quản trị về phương pháp mục tiêu và kết quả then chốt (OKRS) trong đánh giá thành tích tại các doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: 170.2BAdm.21**
Research on Manager's Perception of The Okrs in Performance Appraisal in Vietnam Enterprises 68
- 7. Nguyễn Hữu Khôi** - Tác động của giá trị cảm nhận đến mua hàng lặp lại và sự sẵn sàng chi trả. **Mã số: 170.2BMkt.22**
The Impact of Perceived Value on Repurchase Intention and Willingness to Pay 82
- 8. Lê Xuân Cù** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam: góc nhìn từ mô hình TOE, tinh thần khởi nghiệp và định hướng chuyển đổi số. **Mã số: 170.2TrE.,.21**
Research on Factors Influencing E-Commerce Development in Vietnam: The Standpoint of TOE Framework, Entrepreneurial Orientation and Digital Transformation Orientation 92
- Ý KIẾN TRAO ĐỔI**
-
- 9. Cao Quốc Việt, Nguyễn Thị Bích Châm, Trịnh Thị Cẩm Nhung và Ngô Đình Thi** - Mối quan hệ giữa sự đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp qua phân tích đồng trích dẫn và từ khóa. **Mã số: 170.3OMIs.31**
The Relationship Between Innovation and Corporate Social Responsibility Through Co-Citation and Co-Word Analysis 103

PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Phương Liên
Trường Đại học Thương mại
Email: ntplien@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 14/06/2022

Ngày nhận lại: 08/8/2022

Ngày duyệt đăng: 12/08/2022

Bài viết nghiên cứu thực trạng tín dụng xanh tại Việt Nam trên các khía cạnh: tổ chức triển khai, nguồn vốn, các sản phẩm, quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh. Từ kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam theo các đặc trưng của tín dụng xanh, tác giả bài viết đề xuất một số khuyến nghị giải pháp với NHTM, với các tổ chức và cá nhân đầu tư dự án xanh, với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước nhằm phát triển tín dụng xanh, qua đó góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành động quốc gia theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

***Từ khóa:** Tín dụng xanh, Dự án xanh, Ngân hàng thương mại, Phát triển bền vững.*

***JEL Classifications:** E52, G18, D04*

1. Mở đầu

Tín dụng xanh là loại hình tín dụng đã và đang phát triển ở nhiều nước trên thế giới nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh nguồn tài nguyên cạn kiệt, môi trường tự nhiên bị phá hủy, ô nhiễm không khí ngày càng tăng,... để thực hiện chiến lược phát triển bền vững, “xanh hóa” tín dụng được xem là một trong những hành động đòi hỏi các quốc gia phải ưu tiên hàng đầu. Theo đánh giá của Liên Hợp quốc, Việt Nam là quốc gia có nguy cơ chịu tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, những tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra ở nước ta ngày càng nghiêm trọng, tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Vì vậy, đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, chuẩn hóa các khâu từ thẩm định đến đánh giá và lựa chọn dự án, quản lý, giám sát sử dụng vốn vay, để nguồn vốn được chảy đến đúng các dự án, các ngành, lĩnh vực cần được ưu tiên là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, thực trạng phát triển tín dụng xanh những năm qua tại Việt Nam được đánh giá còn khá khiêm tốn. Tỷ lệ dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2018-

2021 chỉ dao động trong khoảng trên 3-4,5% dư nợ của toàn ngành ngân hàng; tỉ trọng dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội rất thấp, năm 2021 chỉ đạt gần 16% mức dư nợ tín dụng xanh. Điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó, khung đánh giá rủi ro môi trường - xã hội (MT-XH) của các NHTM chưa hoàn thiện, nguồn tài chính để cung cấp tín dụng xanh còn hạn chế, nhận thức về phát triển bền vững (PTBV) và quản trị doanh nghiệp theo mô hình ESG (Environmental, Social and Governance/môi trường, xã hội và quản trị) còn yếu và thiếu, hành lang pháp lý chưa hoàn thiện là những nguyên nhân cơ bản.

Gần đây, đã có một số nghiên cứu về tín dụng xanh tại Việt Nam, như: (i) Viên Thế Giang, Võ Thị Mỹ Hương (2019), *Chính sách phát triển tín dụng xanh và những vấn đề đặt ra trong các quy định pháp luật về cấp tín dụng*, Tạp chí Ngân hàng số 23/2019; (ii) Bùi Thị Hoàng Lan (2020), *Phát triển tín dụng xanh trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Tài chính, Kì 2 - Tháng 10/2020; (iii) Hoài Linh và các cộng sự (2021), *Tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và các khuyến nghị chính sách*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 9/2021... Tuy nhiên, “Làm thế nào để không ngừng tăng trưởng quy mô

và tỉ trọng dư nợ tín dụng xanh trong tổng dư nợ của toàn ngành ngân hàng” là một câu hỏi không dễ có lời giải đáp đầy đủ, chính xác đối với cả nhà quản lý, điều hành chính sách vĩ mô, nhà quản trị ngân hàng, nhà nghiên cứu... Vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất các khuyến nghị về giải pháp phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam, nhằm góp phần phát triển bền vững quốc gia là vấn đề thực tiễn đã, đang và tiếp tục đặt ra.

Phát triển hoạt động tín dụng xanh chịu tác động bởi nhiều yếu tố và liên quan đến nhiều chủ thể: NHTM - chủ thể cung cấp dịch vụ tín dụng xanh, nhà đầu tư có nhu cầu và điều kiện sử dụng vốn tín dụng xanh, các tổ chức cấp vốn ủy thác, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan/tổ chức tư vấn thẩm định, cơ quan truyền thông,... Để đánh giá thực trạng và đề xuất các định hướng giải pháp phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam, tác giả bài viết chủ yếu sử dụng nguồn thông tin từ các dữ liệu thứ cấp như Báo cáo hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và một số NHTM Việt Nam, các thông báo về đánh giá, công bố danh sách doanh nghiệp PTBV của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), phân tích tình huống điển hình (In-case study),... và xử lý thông tin, dữ liệu bằng các kỹ thuật thống kê mô tả, so sánh nhằm luận giải các vấn đề nghiên cứu.

2. Tổng quan nghiên cứu và lý thuyết về tín dụng xanh

Theo Aizawa và Yang (2010), tín dụng xanh là một trong số những giải pháp mà ngành tài chính áp dụng để đối phó với các thách thức môi trường và xã hội của thế giới thông qua các công cụ tài chính. Theo Nguyên tắc tín dụng xanh, 2018 (Green Loan Principles - GLP, 2018) của Hiệp hội Thị trường Tín dụng (Loan Market Association - LMA) và Hiệp hội Thị trường Tín dụng Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association - APLMA), tín dụng xanh là bất kỳ loại cho vay nào được cung cấp riêng để cấp vốn, hoặc tái cấp vốn toàn bộ hoặc một phần các dự án xanh đủ điều kiện mới và/hoặc hiện có. Danh mục tín dụng xanh theo GLP, 2018 gồm: năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng hiệu quả; giao thông xanh; các sản phẩm, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường và/hoặc thích nghi với nền kinh tế; quản lý nước bền vững và xử lý nước thải; tòa nhà xanh; nông lâm nghiệp bền vững; ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm [1].

Tại Việt Nam, theo Điều 149 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/11/2020, tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho dự án đầu tư sau đây: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; (ii) Ứng phó với biến đổi khí hậu; (iii) Quản lý chất thải; (iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; và (vii) Tạo ra lợi ích khác về môi trường.

Ngoài các đặc điểm chung của tín dụng, tín dụng xanh còn có các đặc trưng riêng sau:

Thứ nhất, tín dụng xanh được cấp cho các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh mà không gây rủi ro về môi trường. Để đánh giá một dự án vay vốn có phải là dự án xanh không, trước hết dự án đó phải nằm trong Danh mục Dự án xanh thuộc các ngành, lĩnh vực được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, và phải được NHTM thẩm định dự án đó không gây tác hại đến môi trường. Do đó, để triển khai hoạt động tín dụng xanh, đòi hỏi: (i) Người vay vốn, ngoài việc cung cấp các hồ sơ như các loại hình tín dụng thông thường, phải cung cấp cho NHTM hồ sơ báo cáo về tác động của dự án vay vốn đến môi trường. Người vay cũng có thể còn phải cung cấp hồ sơ về PTBV doanh nghiệp, về quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ESG theo yêu cầu của ngân hàng; (ii) Về phía NHTM, ngoài việc phân tích, thẩm định các nội dung như đối với các hoạt động tín dụng thông thường khác (thẩm định năng lực pháp lý, năng lực hoạt động và năng lực tài chính của người vay, tính khả thi và hiệu quả của phương án/dự án đầu tư, tài sản đảm bảo, các rủi ro về kinh tế, tài chính), NHTM còn phải thẩm định tác động của dự án đến môi trường dựa trên các quy định nội bộ tại khung tín dụng xanh, quy trình đánh giá và lựa chọn dự án xanh, tiêu chí đánh giá rủi ro MT-XH... của ngân hàng.

Thứ hai, nguồn vốn để các NHTM triển khai hoạt động tín dụng xanh chủ yếu là vốn do ngân hàng tiếp cận từ nguồn vốn xanh thông qua các hợp đồng ủy thác của ngân hàng trung ương (NHTW)/ngân hàng nhà nước, các quỹ hỗ trợ tín dụng xanh của Chính phủ, hoặc trực tiếp phát hành trái phiếu xanh trên thị trường. Ngoài ra, các NHTM có thể thu xếp, phân bổ một phần nguồn vốn huy động để triển khai tín dụng xanh.

Thứ ba, tín dụng xanh là một trong các phương thức, biện pháp phát triển bền vững, do đó để khuyến khích phát triển tín dụng xanh, Chính phủ các nước thường ban hành chính sách hỗ trợ nhà đầu tư xanh, chẳng hạn như ưu đãi thuế, cam kết đầu ra ổn định cho doanh nghiệp đầu tư vào dự án xanh, và ngân hàng cam kết cung cấp vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi.

Từ những đặc điểm trên cho thấy, tín dụng xanh chỉ có thể phát triển nếu quốc gia đó đảm bảo đồng thời được các điều kiện: (i) Các NHTM có nguồn vốn dồi dào, có bộ máy nhân sự, tiêu chuẩn quy trình hoạt động, căn cứ pháp lý cho hoạt động tín dụng xanh... để thẩm định, ra quyết định và quản lý hoạt động tín dụng xanh một cách chính xác, khách quan, an toàn và hiệu quả; (ii) Các nhà đầu tư xanh phải đáp ứng tốt các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án xanh theo mô hình ESG để PTBV doanh nghiệp; và (iii) Chính phủ có các chính sách, biện pháp thích hợp hỗ trợ, khuyến khích nhà đầu tư dự án xanh và cung cấp tín dụng xanh.

3. Thực trạng tín dụng xanh tại Việt Nam

* Tổ chức triển khai tín dụng xanh

Tại Việt Nam, hoạt động tín dụng xanh của ngành ngân hàng được thực hiện theo Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015. Theo Chỉ thị này, các NHTM cần chủ động xây dựng chương trình, chính sách tín dụng xanh nhằm tăng dần tỉ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục tín dụng và triển khai các giải pháp quản lý rủi ro MT - XH trong hoạt động cấp tín dụng [3]. Ban đầu, tín dụng xanh được triển khai dưới dạng chương trình thí điểm cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), với tổng số tiền 2.000 tỉ đồng và được triển khai ở bốn NHTM, gồm: Vietcombank, BIDV, Agribank và Sacombank. Tiếp đó, NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành nhằm góp phần và hỗ trợ thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh của Quốc gia theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015.

Căn cứ mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ban hành theo Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016, Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, NHNN đã có văn bản hướng dẫn thống kê các dự án, phương án xanh, bảo vệ môi trường, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu gồm các lĩnh vực: nông nghiệp xanh, lâm

ng nghiệp bền vững, công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên, xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục sinh thái và phòng chống thiên tai, quản lý nước bền vững khu vực đô thị và nông thôn, công trình xây dựng xanh, giao thông bền vững, cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên và các lĩnh vực xanh khác.

Để hỗ trợ các NHTM triển khai hoạt động tín dụng xanh, năm 2018, NHNN đã phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) ban hành Sổ tay hướng dẫn tổ chức tín dụng (TCTD) đánh giá rủi ro MT-XH trong hoạt động cấp tín dụng cho 10 ngành kinh tế cơ bản (gồm: nông nghiệp, hóa chất, xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, chế biến thực phẩm và đồ uống, dệt may, dầu khí, xử lý và tái chế chất thải, khai khoáng và sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại), và sau đó bổ sung hướng dẫn đối với 5 ngành khác (gồm: sản xuất nhiệt điện, sản xuất giấy và bột giấy, nhuộm vải, chế biến thủy sản, pin và ắc quy). Đây là “cẩm nang” giúp các NHTM nhận diện và chủ động quản lý các rủi ro MT-XH có thể gây tác động xấu, ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án được cấp tín dụng, cũng như khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng [6].

Theo báo cáo của NHNN, tính đến cuối năm 2020, cả nước có 84 TCTD (đại diện cho trên 80% dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng) gửi báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN, trong đó: (i) Có 67/84 TCTD triển khai các nội dung có liên quan về phát triển ngân hàng xanh, tín dụng xanh, trên cơ sở lồng ghép các quy định, văn bản chỉ đạo điều hành trong hoạt động ngân hàng; (ii) Có 13/84 TCTD có bộ phận chuyên trách về tín dụng xanh; (iii) Có 11/84 TCTD có quy trình thẩm định riêng đối với tín dụng xanh; (iv) Khoảng 50% tổng số ngân hàng báo cáo đã nghiên cứu xây dựng quy định hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường và xã hội; (v) Có 9/84 TCTD đã thiết lập các hỗ trợ, ưu đãi cho các khoản tín dụng xanh, phổ biến là ưu đãi về lãi suất so với lãi suất các khoản cho vay thông thường (VPBank: mức ưu đãi lãi suất tối đa là 1,5%; Sacombank, HDBank: lãi suất giảm 1%; Agribank: giảm 0,5-1,5% lãi suất các chương trình cho vay

phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...). Ngoài ra, một số ngân hàng còn ưu đãi về thời gian cho vay đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn dài hạn của khách hàng (VPBank: thời gian cho vay vốn tối đa lên tới 120 tháng), rút ngắn tối đa thủ tục và thời gian phê duyệt tín dụng xanh (VPBank: thời gian phê duyệt cho vay các dự án lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà tối đa 3 ngày),...

Năm 2021, do tác động của đại dịch COVID-19, các NHTM không có nhiều hoạt động đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh, vì vậy số lượng NHTM tham gia vào hoạt động tín dụng xanh theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN hầu như không có sự thay đổi so với năm 2020. Các ngân hàng tiêu biểu trong triển khai tín dụng xanh gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank, VPBank, HDBank, BacAbank, NamAbank,...

* Nguồn vốn triển khai tín dụng xanh

Phần lớn nguồn tài chính cho tín dụng xanh của các NHTM những năm qua tại Việt Nam dựa vào

các chương trình, dự án tài trợ quốc tế. Ngoài các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, IFC, còn có các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ cũng hỗ trợ ngân sách cho các chương trình đầu tư ưu tiên của Chính phủ Việt Nam để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh và giảm phát thải khí nhà kính trong từng giai đoạn.

Ngoài việc tiếp cận nguồn vốn xanh thông qua các hợp đồng ủy thác, một số ngân hàng cũng cam kết xác định một tỉ lệ nguồn vốn huy động để tài trợ cho các dự án xanh. Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam đã công bố cam kết thu xếp nguồn vốn 12 tỉ USD tài trợ trực tiếp và gián tiếp cho các dự án bền vững và các doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2030. Ngân hàng Standard Chartered (Anh) cũng đã đưa ra cam kết đầu tư 8,5 tỉ USD nhằm hỗ trợ các dự án phát triển bền vững cho 3 doanh nghiệp Việt Nam, là: Tập đoàn T&T; Tập đoàn Geleximco và Công ty Đầu tư và Quản lý Giáo dục Văn Lang với dự án xây dựng trường đại học đạt tiêu chuẩn

Bảng 1: Một số chương trình, dự án tài trợ quốc tế tiêu biểu

Tên NHTM cấp tín dụng xanh	Tên tổ chức cấp vốn ủy thác	Giá trị vốn ủy thác	Điều kiện/Lĩnh vực cho vay ủy thác
BIDV	Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)	- Cho vay dài hạn trị giá 100 triệu USD - Hỗ trợ kỹ thuật trị giá 300.000 EUR	Cho vay ưu đãi không cần bảo lãnh của Chính phủ
VPBank	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Proparco	262,5 triệu USD	Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển xanh
HDBank	Tổ chức Tài chính Phát triển của Pháp - Proparco	Cho vay 50 triệu USD	Các dự án xanh
	Quỹ Đầu tư Quốc tế Affinity	300 triệu USD	Các doanh nghiệp và dự án đáp ứng tiêu chuẩn ESG
OceanBank	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)	Cho vay dài hạn trị giá 100 triệu USD	Khu vực tư nhân đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng xanh và bền vững tại Việt Nam
TPBank	Quỹ Hợp tác Khí hậu Toàn cầu (GCPF)	Cho vay dài hạn 20 triệu USD	Tiết kiệm năng lượng, giảm thải CO ₂ và thân thiện với môi trường

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của các NHTM)

xanh. Vietinbank dành 10.000 tỉ đồng để đồng hành cùng doanh nghiệp trong các dự án điện mặt trời mái. BIDV dành 7.000 tỉ đồng hỗ trợ phát triển bền vững DNNVV đầu tư vào lĩnh vực xanh. Sacombank dành: (i) 15.000 tỉ đồng cho vay doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực “xanh” hoặc có quy trình hoạt động không gây ảnh hưởng, có khả năng bảo vệ tài nguyên, môi trường; (ii) 2.000 tỉ đồng cho vay vốn đầu tư dự án điện mặt trời dành cho khách hàng doanh nghiệp tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên,...

*** Các sản phẩm tín dụng xanh**

Những năm qua, các NHTM Việt Nam cung cấp khá đa dạng sản phẩm tín dụng xanh, trong đó tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, gồm các sản phẩm: (i) Cho vay vốn theo chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, được triển khai bởi Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BacABank, Sacombank, ACB, HDBank...; (ii) Cho vay chuyển đổi nông

ng nghiệp bền vững tại Việt Nam, được triển khai bởi BIDV; (iii) Cho vay phát triển lâm nghiệp bền vững theo Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển (FMCR), được triển khai bởi Agribank.

- Lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, gồm các sản phẩm: Cho vay đầu tư hệ thống sản xuất điện năng lượng mặt trời, điện gió, các dự án thúc đẩy giảm khí CO₂, tiết kiệm năng lượng... đối với khách hàng doanh nghiệp và hộ gia đình. Những ngân hàng tiêu biểu cung cấp các sản phẩm này gồm BIDV, Sacombank, TPBank, Vietinbank, HDBank, NamABank, MB,...

- Lĩnh vực nước sạch, xử lý chất thải, rác thải: Cho vay các dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trong đó Agribank là ngân hàng chính tham gia dự án do WB tài trợ.

*** Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh**

Bảng 2 cho thấy, dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2015-2021 đã tăng từ 70,8 nghìn tỉ lên 462,6 nghìn tỉ đồng. Tỉ trọng dư nợ tín dụng xanh chiếm trong

Hộp 1: Nghiên cứu trường hợp BIDV

BIDV là một trong bốn NHTM lớn ở Việt Nam đã và đang cung cấp khá đa dạng sản phẩm tín dụng xanh

Lĩnh vực	Dư nợ tín dụng xanh (tỉ đồng)				
	2016	2017	2018	2019	2020
Nông nghiệp, rừng và nuôi trồng thủy sản	11.399	12.582	13.536	14.266	15.222
Năng lượng tái tạo	1.921	2.256	2.547	2.987	3.568
Xử lý chất thải, rác thải	808	1.124	1.874	2.821	3.780
Du lịch xanh	1.362	1.601	1.844	2.063	1.807
Thủy điện	22.435	26.933	30.654	34.752	39.432

Một số dự án xanh điển hình do BIDV đóng vai trò ngân hàng bán buôn, gồm:

+ Dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước: BIDV hợp tác với Công ty VWS tài trợ vốn 90 triệu USD cho dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước Thành phố HCM. Với tổng vốn đầu tư ban đầu 450 triệu USD, dự án được chia thành 4 giai đoạn trong đó vốn đầu tư giai đoạn 1 là 211 triệu USD.

+ Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT). Đây là dự án hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh đề án tái cơ cấu nông nghiệp thông qua đổi mới phương thức canh tác theo hướng bền vững, không ngừng nâng cao chuỗi giá trị cho hai ngành hàng: lúa, gạo và cà phê. Dự án có tổng vốn đầu tư là 301 triệu USD, trong đó vốn phi tín dụng là 196 triệu USD (chiếm khoảng 65,1%) và vốn tín dụng là 105 triệu USD (chiếm 34,9%).

+ Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam (VEEIEs): BIDV là 1 trong 2 ngân hàng được WB và Chính phủ lựa chọn tham gia cho vay lại Dự án Tiết kiệm năng lượng trị giá 100 triệu USD nhằm nâng cao mức tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính (GHG) của Chính phủ.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Báo cáo của BIDV) [6]

Bảng 2: Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh

Năm	Dư nợ TDX (nghìn tỉ đồng)	Tỉ trọng dư nợ TDX trong tổng dư nợ tín dụng (%)	Tỉ trọng dư nợ được đánh giá RRMTXH (%)	Mức tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh (%)	Mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành (%)
2015	70,8	1,55	N/A		17,3
2016	84,7	1,52	N/A	19,6	18,7
2017	180,1	2,73	N/A	112,5	18,2
2018	235,7	3,30	N/A	30,8	13,9
2019	292,1	3,54	N/A	23,9	13,7
2020	341,7	3,69	13,40	17,0	13,5
2021	462,6	4,95	15,84	35,38	13,7

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của NHNN [6] và tính toán của tác giả)

tổng dư nợ tín dụng toàn ngành có xu hướng tăng (từ 1,55% năm 2015 lên 4,95% năm 2021). Mức tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh các năm dao động trong khoảng 17% đến trên 35%, riêng năm 2017 tăng trưởng 112,5%. Một số NHTM Việt Nam có tỉ trọng dư nợ tín dụng xanh khá cao như: Agribank, BIDV, Sacombank, TPBank, Vietinbank, VPBank, Nam Á Bank, HDBank....

Về cơ cấu dư nợ tín dụng xanh: Tính đến cuối năm 2021, dư nợ tín dụng trung và dài hạn chiếm khoảng 76% dư nợ tín dụng xanh, với lãi suất cho vay từ 9-12%/năm; tín dụng ngắn hạn chiếm khoảng 24% với lãi suất từ 5-8%/năm. Dư nợ tín dụng xanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh, chiếm 45% tổng dư nợ tín dụng xanh; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm 17%; quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn chiếm 11%; lâm nghiệp bền vững chiếm 5%; các lĩnh vực khác 22% (Nguồn: Vụ tín dụng các ngành kinh tế, NHNN Việt Nam).

3. Những vấn đề đặt ra trong phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, hoạt động tín dụng xanh tại Việt Nam vẫn còn những hạn chế. Tỉ trọng dư nợ tín dụng xanh xác định theo Danh mục ngành, lĩnh vực xanh (chưa qua đánh giá rủi ro MT-XH) chiếm trong tổng dư nợ tín dụng toàn ngành khá thấp, chỉ dao động từ 1,55% đến 4,95%. Dư nợ tín dụng xanh được đánh giá rủi ro MT-XH cũng ở mức thấp, năm 2020 chiếm 13,4%, năm 2021 khoảng 15,84% (bảng 2). Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh chưa được phân bổ đều trên các ngành, lĩnh vực kinh tế, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

Nguồn vốn dành cho hoạt động tín dụng xanh của các NHTM còn khiêm tốn.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế nêu trên là:

Thứ nhất, quá trình tổ chức triển khai tín dụng xanh tại các NHTM còn nhiều bất cập, vướng mắc.

So với các loại hình tín dụng khác, tín dụng xanh là loại hình tương đối mới ở Việt Nam nên nhận thức và năng lực của các NHTM trong triển khai tín dụng xanh đang ở giai đoạn đầu và còn hạn chế. Bên cạnh một số ngân hàng đã ban hành được khung tín dụng xanh [2], có bộ phận chuyên trách và quy trình tín dụng riêng, nhiều NHTM chưa triển khai hệ thống quản lý rủi ro MT-XH một cách đồng bộ, chưa thành lập được bộ phận chuyên trách và quy trình thẩm định riêng đối với tín dụng xanh. Bộ phận thẩm định các dự án đầu tư xanh, các dự án liên quan đến MT-XH vẫn do các bộ phận thẩm định dự án tín dụng thông thường của ngân hàng đảm nhận. Điều này sẽ trở nên phức tạp hơn khi các dự án liên quan đến MT-XH đòi hỏi tính kỹ thuật, quy trình, cách đánh giá và xem xét có những đặc trưng riêng biệt so với các dự án truyền thống. Khi xem xét các tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý rủi ro MT-XH trong hoạt động cho vay, một số ngân hàng mới chỉ đánh giá rủi ro ở khâu quyết định cho vay, khâu giám sát việc tuân thủ của khách hàng vay, biện pháp xử lý khi khách hàng vi phạm các vấn đề MT-XH chưa được chú trọng. Điều này còn trở nên trầm trọng hơn khi ở khâu quyết định tín dụng, ngân hàng chủ yếu dựa vào báo cáo đánh giá tác động của dự án đến môi trường và cam kết bảo vệ môi trường trong hồ sơ tín dụng của khách hàng.

Năng lực đội ngũ nhân viên của một số ngân hàng, nhất là cán bộ tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu thẩm định tín dụng, bởi các dự án về môi trường thường có sự phức tạp trong đánh giá kỹ thuật, công nghệ. Phần đông cán bộ tín dụng hiện nay chỉ có chuyên môn sâu trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng nói chung. Đối với lĩnh vực đầu tư xanh mang tính chất đặc thù, đòi hỏi cán bộ tín dụng phải có trình độ để thẩm định, đánh giá tác động của dự án đến MT-XH, nhưng hầu như họ chưa được đào tạo chuyên sâu, bài bản trong thẩm định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng xanh. Trên thực tế, có một số cán bộ đôi khi chỉ dựa vào kinh nghiệm thẩm định, đánh giá các dự án đã làm trước đó để thẩm định các dự án khác, điều này sẽ đưa ra một quyết định tín dụng thiếu căn cứ và làm cho khoản tín dụng đối mặt với nhiều rủi ro, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường sinh thái nếu được triển khai.

Thực tế cho thấy, việc đầu tư vào các ngành/lĩnh vực xanh, nhất là lĩnh vực năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam thường có thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao, nên rất cần các ưu đãi về thời hạn và chi phí vay vốn. Trong khi đó, nguồn vốn huy động của các NHTM thường là ngắn hạn với chi phí huy động theo nguyên tắc thị trường nên rất khó khăn trong đáp ứng cầu tín dụng xanh. Để có thể cung cấp tín dụng xanh cho các ngành/lĩnh vực trên với thời hạn dài, lãi suất ưu đãi, các NHTM rất cần được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi.

Thứ hai, nhận thức về quản trị doanh nghiệp theo mô hình ESG của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu và thiếu, nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đến PTBV và công bố thông tin phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, từ năm 2016, VCCI, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) cùng các bộ ngành có liên quan (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động) đã xây dựng bộ chỉ số bền vững doanh nghiệp (CSI) với các nhóm tiêu chí về kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị. Theo đó, hàng năm, VCCI tiến hành thu thập thông tin và xếp hạng doanh nghiệp bền vững để đánh giá và biểu dương các doanh nghiệp thực hiện tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm trên cả 3 khía cạnh: kinh tế - môi trường - xã hội. Bộ chỉ số đánh giá phát triển bền vững mới nhất của

VCCI (CSI 2021) có 119 chỉ tiêu, trong đó có 12 chỉ số kết quả phát triển bền vững, 22 chỉ số về quản trị, 25 chỉ số về môi trường và 60 chỉ số về lao động và xã hội. Hai năm gần đây (2020-2021), mỗi năm Chương trình nhận được số lượng hồ sơ của trên 500 doanh nghiệp (thuộc các lĩnh vực khác nhau, không phân biệt quy mô và thành phần kinh tế) và đã lựa chọn ra 100 doanh nghiệp xuất sắc nhất, đi đầu trong thực hiện PTBV [6]. Nhìn vào số lượng doanh nghiệp hiện có tại Việt Nam (theo số liệu tổng điều tra kinh tế năm 2021 của Tổng cục Thống kê, đến 31/12/2020 có gần 683,6 nghìn doanh nghiệp) và số lượng hồ sơ doanh nghiệp đăng ký xếp hạng doanh nghiệp PTBV hàng năm cho thấy, còn nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa quan tâm đến PTBV và quản trị doanh nghiệp theo mô hình ESG.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2016), doanh nghiệp niêm yết (DNNY) trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam có trách nhiệm phải công bố thông tin về PTBV. Doanh nghiệp có thể lập riêng báo cáo bền vững (BCBV), hoặc trình bày tích hợp trong báo cáo thường niên. Nội dung thông tin PTBV doanh nghiệp phải báo cáo gồm: (1) Quản lý nguồn nguyên liệu; (2) Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước; (3) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; (4) Chính sách liên quan đến người lao động; (5) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương; (6) Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh.

Sau 6 năm triển khai, đến nay, vẫn còn một số DNNY chưa thực hiện công bố thông tin về PTBV. Trong số DNNY đã công bố thông tin, phần lớn doanh nghiệp đều lồng ghép nội dung BCBV trong báo cáo thường niên, nội dung nhìn chung còn sơ sài; số doanh nghiệp trình bày riêng BCBV không nhiều, điển hình như Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam lập báo cáo theo bộ chỉ số GRI (Global Reporting Initiative) với nội dung rất chi tiết (BCBV năm 2020 có độ dài 209 trang, năm 2021: 215 trang) [6]. Thực tế đó cho thấy, bên cạnh một số doanh nghiệp rất quan tâm đến PTBV, nhiều DNNY chưa đầu tư thỏa đáng cho PTBV doanh nghiệp và lập BCBV.

Sự thiếu quan tâm của doanh nghiệp đến: (i) Hoạt động quản trị theo mô hình ESG và công bố thông tin PTBV; (ii) Đánh giá tác động của dự án đầu tư đến MT-XH là nguyên nhân sâu xa dẫn đến những khuyết thiếu và/không chính xác trong hồ sơ

doanh nghiệp đề nghị ngân hàng cấp tín dụng, làm cho tín dụng xanh những năm qua tại Việt Nam chậm phát triển, dư nợ tín dụng xanh vẫn chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong tổng dư nợ tín dụng, tỉ lệ dư nợ xanh được đánh giá rủi ro MT-XH thấp.

Bên cạnh đó, ý thức của người dân, công nghệ và cách tiếp thị công nghệ vẫn là những rào cản chính khiến nền nông nghiệp, lâm nghiệp, v.v... “chưa sạch” như mong đợi. Đó cũng là nguyên nhân không kém phần quan trọng làm cản trở sự phát triển của tín dụng xanh tại Việt Nam.

Thứ ba, khung pháp lý về phát triển tín dụng xanh chưa đầy đủ, hoàn thiện.

Trong những năm qua, để thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, Chính phủ, NHNN đã ban hành các văn bản để tạo môi trường pháp lý và khuyến khích NHTM tập trung nguồn lực cấp tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất - kinh doanh thân thiện với môi trường, xã hội... Tuy nhiên, danh mục các ngành, lĩnh vực xanh chưa có các tiêu chí cụ thể để ngân hàng có căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh. Hiện vẫn thiếu khung pháp lý, tiêu chí, tiêu chuẩn đo lường, đánh giá tác động của dự án vay vốn đến môi trường; thiếu các quy định về thẩm định, tiêu chí và cơ chế đánh giá quản lý rủi ro. Tuy đã ban hành và áp dụng một số chính sách thuế, phí liên quan đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững (như chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách phí bảo vệ môi trường...), nhưng chính sách ưu đãi về thuế chưa đủ mạnh để khuyến khích sản xuất, tiêu dùng xanh. Bên cạnh đó, chính sách thuế nhằm hạn chế sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm gây nguy hại cho môi trường chưa thật phù hợp với thực tiễn, chưa tương xứng với những tổn hại do hoạt động sản xuất, tiêu dùng gây ra...

Mặt khác, như đã phân tích ở phần trên, tín dụng xanh là một trong các phương thức để phát triển bền vững quốc gia, nhưng hiện nay Chính phủ vẫn chưa ban hành chính sách nào có tác động khuyến khích NHTM cung cấp tín dụng xanh với quy mô lớn, lãi suất ưu đãi trong khi thực tế chi phí triển khai tín dụng xanh thường cao hơn các loại hình tín dụng khác do nội dung thẩm định tín dụng nhiều hơn, phức tạp hơn, đó là thẩm định tác động của dự án vay vốn đến môi trường và xã hội.

4. Một vài khuyến nghị

Để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về Phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng xanh, từng bước nâng cao tỉ trọng dư nợ tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh, phần đầu đến năm 2025, 100% ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro MT-XH trong hoạt động cấp tín dụng [4], Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước, NHTM và các nhà đầu tư xanh... cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cả vĩ mô và vi mô. Sau đây là một số định hướng giải pháp cơ bản.

Với các ngân hàng thương mại Việt Nam

Tín dụng xanh chỉ thực sự là tín dụng xanh khi và chỉ khi mỗi ngân hàng luôn cam kết lựa chọn khách hàng tuân thủ pháp luật về môi trường và các nguyên tắc xã hội, ưu tiên tài trợ cho các nhà đầu tư có những đóng góp tích cực đối với môi trường và khí hậu. Vì vậy, để phát triển tín dụng xanh, mỗi ngân hàng cần:

Một là, nghiên cứu để sớm ban hành Khung tín dụng xanh (với các ngân hàng chưa ban hành), hoặc không ngừng hoàn thiện nội dung Khung tín dụng xanh (với các ngân hàng đã ban hành), đảm bảo quy trình sử dụng và quản lý nguồn vốn tín dụng xanh thực sự đáp ứng được các tiêu chí xanh [5]. Việc xây dựng mới hoặc hoàn thiện Khung tín dụng xanh cần: (i) Bám sát 04 tiêu chí của Nguyên tắc Tín dụng xanh 2018 (đảm bảo: Mục đích sử dụng vốn vay rõ ràng; Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án khoa học, hợp lý; Bao quát đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong quản lý sử dụng vốn vay; và Báo cáo, đánh giá trung thực, chính xác hoạt động tín dụng xanh); (ii) Phù hợp với chiến lược phát triển bền vững tổng thể của mỗi ngân hàng và với chính sách phát triển bền vững quốc gia, chính sách môi trường - xã hội,... trong từng giai đoạn.

Hai là, phát triển Hệ thống quản lý rủi ro MT-XH theo các Tiêu chuẩn Hoạt động (Performance Standards) do Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) ban hành. Nghiên cứu thành lập các phòng ban chuyên trách (đối với các NHTM chưa thiết lập bộ phận này), chẳng hạn như Phòng Môi trường và Xã hội - thuộc Khối Pháp chế và Tuân thủ, Phòng Phát triển tín dụng xanh/Ban Tài chính xanh - thuộc Trung tâm Định chế Tài chính và các chi nhánh ngân hàng,... gồm các nhân sự có chuyên môn trong lĩnh vực môi trường, xã hội để có đủ năng lực nghiên cứu xây dựng quy định nội bộ và thẩm định, đánh giá điều

kiện của các khoản vay. Phân định rõ chức trách nhiệm vụ của từng bộ phận, cá nhân trong quy trình tín dụng xanh, đảm bảo các đề xuất tín dụng của khách hàng đều được nhận diện, phân loại mức độ rủi ro về môi trường và xã hội. Tổ chức thẩm định chặt chẽ hồ sơ tín dụng nhằm xác định mức độ tuân thủ của khách hàng và các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với mức độ rủi ro được nhận diện theo nguyên tắc nhất quán. Các đề xuất tín dụng thuộc Danh sách không cấp tín dụng liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội, hoặc được đánh giá có tồn tại rủi ro đáng kể cần được ngân hàng kiên quyết từ chối cấp tín dụng. Ngoài thẩm định trước khi cho vay, ngân hàng cần duy trì sự giám sát tuân thủ sau giải ngân đối với khách hàng, kết hợp nhận thức về tác động xã hội và môi trường mà họ có, để đảm bảo rằng cộng đồng và môi trường được bảo vệ khỏi các tác động tiêu cực tiềm ẩn. Các điều kiện tuân thủ môi trường và xã hội cần trở thành một giao ước ràng buộc của hợp đồng cho vay mà khách hàng phải cam kết tuân thủ thực hiện và báo cáo kết quả thường xuyên với ngân hàng.

Ba là, tăng cường triển khai các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên ngân hàng như triển khai các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên về dự án xanh, tín dụng xanh,... Sự hiểu biết sâu rộng về các vấn đề MT-XH trong các ngành, lĩnh vực xanh là điều kiện tiên quyết giúp nhân viên có thể vận hành triển khai hoạt động nghiệp vụ tín dụng xanh và hỗ trợ khách hàng một cách hiệu quả nhất.

Ngoài ra, xuất phát từ những bất cập phân tích ở phần trên, các NHTM cần chủ động, tăng cường xúc tiến hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế uy tín, với các tổ chức phi chính phủ, cần nhắc triển khai phát hành trái phiếu xanh theo nhu cầu vốn của từng dự án xanh, xác định tỉ lệ trích lập nguồn vốn huy động... để tiếp tục bổ sung, gia tăng nguồn lực tài chính thực hiện chính sách tín dụng xanh của ngân hàng.

Với các tổ chức và cá nhân đầu tư dự án xanh

Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về PTBV và quản trị theo mô hình ESG, nâng cao nhận thức của nhà đầu tư về các yếu tố MT-XH trong hoạt động đầu tư là một trong những điều kiện tiên quyết để triển khai và phát triển tín dụng xanh. Trong xu thế, các sản phẩm thân thiện với môi trường ngày càng được ưa chuộng hơn, việc xây dựng chiến lược đầu tư xanh trong kế hoạch phát triển dài hạn sẽ góp

phần nâng cao vị thế cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận trong dài hạn của doanh nghiệp. Vì vậy, cần tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh trong hoạt động nội bộ doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các quy định về môi trường, tiết kiệm các nguồn lực đầu vào (nguyên vật liệu, năng lượng, nước...), hạn chế tối đa các chất thải (phát thải, nước thải, chất thải,...), gia tăng các hoạt động đầu tư, mua sắm xanh (đầu tư mua sắm công nghệ thân thiện với môi trường, tiêu tốn ít năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo từ gió, mặt trời, lựa chọn các dự án đầu tư xanh,...). Đồng thời, cần xây dựng các tiêu chuẩn xã hội và quản trị hiệu quả, thực hiện hài hòa các quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp, khách hàng và cộng đồng nơi doanh nghiệp có hoạt động; giữa lãnh đạo doanh nghiệp với người lao động trong đơn vị, giữa các cấp điều hành với kiểm toán, kiểm soát nội bộ và cổ đông...

Hiện tại ở Việt Nam, lãnh đạo một số doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có uy tín, thương hiệu, có vị thế trên thương trường đã khẳng định: phát triển bền vững không còn là “sự lựa chọn”, mà là nhiệm vụ bắt buộc đối với doanh nghiệp và trong nhiều năm qua các doanh nghiệp này vẫn kiên định với mục tiêu phát triển bền vững của mình. Tuy nhiên, để triển khai hoạt động quản trị theo mô hình ESG, doanh nghiệp chắc chắn đã, đang và sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức do thiếu vốn, thiếu thông tin, công nghệ và nguồn nhân lực am hiểu về môi trường - xã hội. Đây chính là một khó khăn, thách thức vô cùng lớn với các nhà đầu tư dự án xanh, nhất là các DNNVV, các chủ đầu tư tư nhân eo hẹp về tài chính. Vì vậy, tình trạng một số doanh nghiệp, nhà đầu tư chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, ít/không quan tâm đến lợi ích MT-XH đã, đang và vẫn sẽ tiếp diễn. Do đó, để không ngừng gia tăng số doanh nghiệp quan tâm đến PTBV và quản trị theo mô hình ESG, tiến tới bao phủ toàn bộ số lượng doanh nghiệp, cần có một thời gian dài. Điều này cũng không thể chỉ trông chờ vào sự tự giác, nỗ lực từ phía doanh nghiệp, nhà đầu tư dự án xanh mà rất cần sự cải cách, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về vấn đề quản trị và công bố thông tin PTBV doanh nghiệp.

Với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước

Chính phủ cần sớm ban hành hướng dẫn chi tiết về danh mục và tiêu chí xác định dự án xanh phù hợp với phân ngành kinh tế của Việt Nam. Từng bước bổ

sung thêm các chỉ tiêu về PTBV thuộc nhóm thông tin bắt buộc công bố và mở rộng đối tượng doanh nghiệp phải công bố thông tin bắt buộc về PTBV. Nhanh chóng xây dựng lộ trình, cơ chế chính sách (thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường đến quy hoạch, chiến lược phát triển) của từng ngành, lĩnh vực đồng bộ. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ TCTD tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi, giúp TCTD có đủ nguồn tài chính triển khai các khoản tín dụng xanh, nhất là với các ngành, lĩnh vực cần thời hạn vay vốn dài, lãi suất ưu đãi. Đẩy mạnh hoạt động phát hành trái phiếu xanh để hình thành quỹ hỗ trợ tín dụng xanh trên cơ sở nhu cầu vốn, với quy mô, thời gian và lãi suất thích hợp cho từng ngành, lĩnh vực xanh trong nền kinh tế - xã hội.

NHNN cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý hướng dẫn thực hiện tín dụng xanh cho các TCTD, nhất là các tiêu chuẩn về tín dụng xanh, làm cơ sở để các NHTM lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát trong quá trình thực hiện. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro MT-XH cho một số ngành chưa có hướng dẫn làm cơ sở cho NHTM thẩm định và ra quyết định cấp tín dụng. Nghiên cứu bổ sung các quy định về dự phòng rủi ro MT-XH khi các NHTM cấp tín dụng cho các dự án đầu tư kinh doanh xanh, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu ban hành chính sách ưu đãi đối với các NHTM thực hiện tín dụng xanh, như giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với phần nguồn vốn ngân hàng huy động để cho vay dự án xanh, ưu đãi tái cấp vốn, tái chiết khấu cho mục đích tín dụng xanh...

5. Kết luận

Tín dụng xanh là một trong những công cụ quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh, hướng tới một nền kinh tế các bon thấp, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh an toàn, bền vững. Tuy nhiên, thực trạng phát triển tín dụng xanh những năm qua tại Việt Nam được đánh giá còn khá khiêm tốn. Hoạt động thẩm định, quản lý giám sát tín dụng xanh của NHTM còn nhiều bất cập, khó khăn, vướng mắc.

Để tín dụng xanh thực sự trở thành công cụ đắc lực trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển bền vững quốc gia, Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước, NHTM và các doanh nghiệp cần tập

trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó: (i) Xây dựng, hoàn thiện khung tín dụng xanh với việc định vị rõ mục tiêu sử dụng vốn vay, có quy trình thẩm định, quản lý giám sát tín dụng rõ ràng, minh bạch; (ii) Từng bước nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp tuân thủ hoạt động quản trị theo mô hình ESG; (iii) Có chính sách ưu đãi hợp lý với chủ đầu tư dự án và nhà tài trợ tín dụng xanh là những giải pháp vô cùng quan trọng. ♦

Tài liệu tham khảo:

- [1] “GLP_Guidance_Feb2021_V02.pdf”. Accessed: Sep. 19, 2022. [Online]. Available: https://greenfinanceportal.env.go.jp/pdf/GLP_Guidance_Feb2021_V02.pdf
- [2] “Khung tín dụng xanh”. VP Bank, 2018.
- [3] “Chỉ thị 03 của NHNN về tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường - xã hội”. Accessed: Sep. 19, 2022. [Online].
- [4] Ngân Hàng Nhà Nước, “Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020”, <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/s/m/chitiet/inbaiviet> (accessed Sep. 19, 2022).
- [5] “Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 của Thống đốc NHNN, Phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam”.
- [6] “<https://www.bidv.com.vn>; <https://www.sbv.gov.vn>; <https://www.vcci.org.vn>; <https://www.vinamilk.com.vn>.”

Summary

The paper studies the current situation of green credit in Vietnam in the following aspects: operations, sources of funds, products, scale, structure and its growth rate. From the research results about the situation and the raising problems in developing green credit of Vietnamese commercial banks, the author proposes recommendations to commercial banks, to individual and corporate investors in green projects, to the Government and to the state authorities aiming at successfully developing green credit according to the National Action Scheme under the 2030 Agenda for Sustainable Development.